

ST, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Số: 02/2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018, giữa:

- Anh Đinh Văn V; Sinh năm: 1995 là nguyên đơn;

- Chị Đinh Thị U; Sinh năm: 1995 là bị đơn;

Cùng có địa chỉ: Thôn Tu La, xã SM, huyện ST, tỉnh QNG.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 71, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Anh Đinh Văn V; Sinh năm: 1995 là nguyên đơn;

- Chị Đinh Thị U; Sinh năm: 1995 là bị đơn;

Cùng có địa chỉ: Thôn Tu La, xã SM, huyện ST, tỉnh QNG.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Anh Đinh Văn V và chị Đinh Thị U thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** có 01 người con chung, tên là Đinh Ngọc D, sinh ngày 11/6/2015.

Khi ly hôn, anh V và chị U thoả thuận được: con chung giao cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đinh Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- **Về tài sản chung:** không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- **Về nợ vay chung:** không yêu cầu Tòa giải quyết.
- **Về án phí cấp dưỡng nuôi con:** anh Đinh Văn V phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm:** anh Đinh Văn V thỏa thuận nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/02700 ngày 01/2/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ST. Đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện ST hoàn trả lại 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) số tiền tạm ứng án phí cho anh V.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h ST;
- UBND xã SM;
- TAND tỉnh QNG;
- Chi cục THADS h ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Thị Ánh T

